

Thực trạng công tác giáo dục thể chất cho học sinh trung học cơ sở các tỉnh Trung du Bắc bộ

TÓM TẮT:

Công tác giáo dục thể chất (GDTC) trong trường Trung học cơ sở (THCS) các tỉnh Trung du Bắc bộ (TDBB) là nội dung quan trọng góp phần nâng cao toàn diện về đức, trí, thể, mỹ trong GDTC cho học sinh (HS) THCS các tỉnh TDBB trong giờ nội khóa và hoạt động ngoại khóa. Nghiên cứu thực trạng công tác GDTC góp phần đưa ra những giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác GDTC cho HS THCS các tỉnh TDBB.

Từ khóa: Công tác giáo dục, học sinh Trung học cơ sở các tỉnh Trung du Bắc bộ.

ABSTRACT:

The execution of physical education in secondary schools in the Northern Midland provinces is an important factor contributing to the comprehensive enhancement of virtue, mind, body, and beauty in conducting physical education for middle school students in the Northern Midland provinces during curricular hours and extracurricular activities. Research on the current status of physical education helps provide solutions to improve the efficiency of physical education for middle school students in the Northern Midland provinces.

Keywords: Education, middle school students in the Northern Midland provinces.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hoạt động TDTT ngoại khóa có vị trí quan trọng trong GDTC và thể thao trong trường học. Các hoạt động ngoại khóa kết hợp cùng với các hoạt động dạy học cấu thành một cấu trúc giáo dục trường học hoàn chỉnh, góp phần hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục

Xuất phát từ những lý do nêu trên, nhằm mục đích góp phần nâng cao toàn diện về đức, trí, thể, mỹ trong công tác GDTC cho HS THCS các tỉnh TDBB, chúng tôi tiến hành nghiên cứu: “Thực trạng công tác giáo dục thể chất cho học sinh trung học cơ sở các tỉnh Trung du Bắc bộ”.

ThS. Trần Dũng ■



(Ảnh minh họa)

Quá trình nghiên cứu sử dụng các phương pháp nghiên cứu: phân tích và tổng hợp tài liệu; phỏng vấn - toạ đàm; quan sát sự phạm; kiểm tra sự phạm; kiểm tra Y học; thực nghiệm sự phạm; toán học thống kê

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Đánh giá công tác GDTC cho HS THCS các tỉnh TDBB trong giờ nội khóa và hoạt động ngoại khóa

2.1.1. Đánh giá thực trạng giáo viên dạy thể dục

Để đánh giá công tác GDTC cho HS THCS các tỉnh TDBB trong giờ nội khóa và hoạt động ngoại khóa, đề tài tiến hành điều tra, thống kê, đánh giá thực trạng giáo viên (GV) dạy môn thể dục tại các trường THCS được lựa chọn là địa điểm nghiên cứu. Kết quả thống kê được trình bày tại bảng 1.

Bảng 1. Đánh giá thực trạng GV dạy môn thể dục của các trường THCS các tỉnh TDBB

TT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ GV/HS	Chuyên ngành	Trình độ			Thâm niên giảng dạy		
					Trên đại học	Đại học	Cao đẳng	< 5 năm	5-10 năm	> năm 10
1	THCS Lê Quý Đôn – Tuyên Quang	3	1/300	Võ cổ truyền; Điền kinh; Bóng đá	-	2	1	1	1	1
2	THCS Thành Lập – Hòa Bình	1	1/280	Võ	-	1	-	-	1	-
3	THCS Chùa Hang – Thái Nguyên	2	1/340	Võ; Thể dục	-	2	-	-	1	1
	Tổng cộng	6				5	1	1	3	2

Bảng 2. Kết quả phỏng vấn công tác tổ chức dạy học tại các trường THCS thuộc các tỉnh TDBB (n = 45)

TT	Nội dung	Đánh giá (n = 45)					
		Có		Thỉnh thoảng		Không	
		m _i	%	m _i	%	m _i	%
1	Trường dạy đúng, dạy đủ chương trình GDTC chính khóa theo quy định	45	100	0	0	0	0
2	Trường thường xuyên tổ chức kiểm tra thể lực cho HS theo định kỳ	0	0	30	66.67	15	33.33
3	Trường thường xuyên tổ chức hoạt động TDTT ngoại khóa	15	33.33	15	33.33	15	33.33
	X²	52.50		30.00		15.00	

Kết quả khảo sát thực trạng GV dạy thể dục tại các trường là địa điểm nghiên cứu có những thuận lợi và hạn chế như sau:

Thuận lợi: Các GV đều có trình độ từ cao đẳng đến đại học TDTT, trong đó 5 GV trình độ đại học, 01 GV trình độ cao đẳng. Các GV đều có nhiều năm cống hiến trong nghề với 2 người giảng dạy trên 10 năm, 3 người từ 5 - 10 năm và 1 người dưới 5 năm. Chuyên ngành của các GV được đào tạo đều là những môn thể thao làm nền tảng cho công tác giảng dạy cũng như có tính lan tỏa tới nhiều đối tượng. Như vậy, thuận lợi lớn cho các em HS là các thầy cô đều có trình độ đào tạo tốt và có kinh nghiệm trong công tác giảng dạy, truyền thụ các kiến thức, kỹ năng cho các em HS.

Hạn chế: Tỷ lệ GV/HS còn nhiều chênh lệch, chưa đảm bảo theo quy hoạch phát triển TDTT Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 xác định đến năm 2015 trung bình 1 GV/300 HS, năm 2020 là 1 GV/250 HS), hoặc tính theo điều lệ THCS quy định giờ dạy cho GV dạy trường THCS là 19 tiết/tuần thì số giờ phải dạy của các GV đều nhiều hơn số giờ dạy quy định.

Đây có thể là một trong những yếu tố ảnh hưởng tới phát triển phong trào tập luyện TDTT ngoại khóa cho HS THCS các tỉnh TDBB.

2.1.2. Đánh giá về công tác GDTC

Để đánh giá công tác GDTC tại các trường THCS được lựa chọn để nghiên cứu, luận án tiến hành phỏng vấn đánh giá thực trạng mức độ hoạt động GDTC của từng trường về công tác dạy học nội khóa và hoạt động ngoại khóa môn thể dục thông qua điều tra khảo sát thực tế bằng phiếu hỏi tới các GV, cán bộ, lãnh đạo 03 trường THCS đại diện cho các vùng TDBB với 45 phiếu phát ra thu về 45 phiếu. Kết quả phỏng vấn được trình bày tại bảng 2.

Kết quả phỏng vấn cho thấy, các trường đều dạy đúng, dạy đủ theo chương trình GDTC chính khóa đạt tỷ lệ là 100%; các trường thường xuyên tổ chức kiểm tra thể lực cho HS theo định kỳ chỉ đạt 66.67% mức thỉnh thoảng và mức không là 33.33%; Tổ chức hoạt động TDTT ngoại khóa giữa các trường có sự không đồng nhất ở 03 mức đánh giá có - thỉnh thoảng - không đạt 33.33% cho từng mức.

Như vậy, 2/3 chỉ tiêu đánh giá công tác GDTC tại các trường THCS được khảo sát cho thấy còn thiếu sự đồng nhất trong việc triển khai tổ chức kiểm tra thể lực cho HS cũng như mức độ tổ chức các hoạt động TDTT ngoại khóa cho HS. Dẫn đến tình trạng này được xác định do nhiều nguyên nhân khách quan như: điều kiện cơ sở vật chất trang thiết bị trong nhà trường chưa đảm bảo, nguồn nhân lực để tổ chức triển

Bảng 3. Đánh giá thực trạng rèn luyện TDTT của HS

TT	Nội dung	Số lượng (HS)		Trong đó				X ²	P
				Nam		Nữ			
		n	%	n	%	n	%		
1	Tổng số HS cả 3 trường	1864	100.0	1041	55.8	823	44.2	24.83	<0.001
2	Tỷ lệ HS luyện tập TDTT thường xuyên (3 trường)	988	53.0	647	34.71	341	18.3		
3	Số HS đạt tiêu chuẩn thể lực theo QĐ số 53/ 2008/QĐ-BGD-ĐT [10]								
	Tốt	287	15.4	231	22.19	56	6.8	748.03	<0.001
	Đạt	971	52.1	746	71.66	225	27.3		
	Không đạt	606	32.5	64	5.15	542	65.9		

khai kiểm tra còn hạn chế, và nhiều nguyên nhân khách quan khác... Do vậy, đây có thể là một trong những nguyên nhân phần nào ảnh hưởng đến chất lượng công tác GDTC.

2.1.3. Đánh giá thực trạng rèn luyện TDTT của HS THCS các tỉnh Trung du Bắc Bộ

Để đánh giá thực trạng công tác GDTC, nghiên cứu tiến hành đánh giá tình hình tập luyện TDTT tại các trường và số đạt chuẩn thể lực của HS. Kết quả thể hiện tại bảng 3.

Kết quả đánh giá cho thấy, tỷ lệ HS tập luyện TDTT thường xuyên chỉ đạt mức trên trung bình (53.0%), trong đó tỷ lệ HS nữ còn thấp (18.3%). Đánh giá về số HS đạt tiêu chuẩn thể lực theo quy định (QĐ 53/2008 của Bộ GD&ĐT) không có sự đồng đều giữa các mức đánh giá, mức Tốt chiếm tỷ

lệ còn thấp (15.4%) riêng HS nữ là 6.8%, mức Đạt chiếm 52.1% (HS nữ là 27.3%), còn nhiều HS Không đạt chiếm tỷ lệ 32.5% (HS nữ đạt 65.9%). So sánh bằng thông số X² có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa 3 mức đánh giá với X²_{tính} > X²_{bảng} ở ngưỡng xác suất p < 0.001.

2.2. Đánh giá thực trạng hoạt động TDTT ngoại khóa

Quá trình nghiên cứu đánh giá thực trạng công tác GDTC cho HS các trường THCS tại một số tỉnh TDBB, đề tài tiến hành khảo sát đánh giá về thực trạng mức độ hoạt động TDTT ngoại khóa về cách thức tổ chức hoạt động, các môn thể thao được HS ham thích và nhu cầu tập luyện TDTT ngoại khóa của các HS. Kết quả được trình bày tại bảng 4.

Kết quả tại bảng 4 cho thấy:

Bảng 4. Đánh giá về thực trạng hoạt động TDTT ngoại khóa của HS THCS các tỉnh TDBB (n = 1864)

TT	Nội dung	Số lượng		Trong đó				X	P
		(n = 1864)		Nam (n = 1041)		Nữ (n = 823)			
		n	%	n	%	n	%		
1	Mức độ tham gia hoạt động TDTT ngoại khóa:								
1.1	Có thường xuyên	387	20.8	220	11.80	167	8.96	614.0	<0.001
	> 60 phút / ngày	52	2.8	52	2.79	0	0.00		
	30 – 60 phút / ngày	96	5.2	81	4.35	15	0.80		
	< 30 phút / ngày	239	12.8	87	4.67	152	8.15		
1.2	Có nhưng không thường xuyên	1035	55.5	710	38.09	325	17.44		
	> 60 phút / lần	62	3.3	52	2.79	10	0.54		
	30 -60 phút /lần	259	13.9	121	6.49	138	7.40		
	< 30 phút /lần	714	38.3	537	28.81	177	9.50		
1.3	Không tập	442	23.7	111	5.95	331	17.76		
2	Hình thức hoạt động TDTT								
2.1	Tập thể dục buổi sáng	126	6.76	86	4.61	40	2.15	223.10	<0.001
2.2	Tập thể dục giữa giờ	1864	100.0	1041	55.85	823	44.15		
2.3	Tập sau giờ học	456	24.46	368	19.74	88	4.72		
2.4	Tập theo nhóm lớp	125	6.71	106	5.69	19	1.02		
2.5	Tập theo CLB	86	4.61	57	3.06	29	1.56		
2.6	Tập theo đội tuyển	45	2.41	31	1.66	14	0.75		
2.7	Tự tập lúc rảnh rỗi	103	5.53	89	4.77	14	0.75		
2.8	Hình thức tập khác	365	19.58	308	16.52	57	3.06		

3	Số lượng môn thể thao HS tham gia hoạt động ngoại khóa:								
3.1	Chơi 1 môn thể thao	547	29.35	368	19.7	179	9.6	458.6 9	<0.001
3.2	Chơi 2-3 môn thể thao	657	35.25	254	13.6	133	7.1		
3.3	Chơi nhiều hơn 3 môn thể thao	218	11.70	207	11.1	11	0.6		
3.4	Không chơi	442	23.71	148	7.9	294	15.8		
4	CLB TDTT trong nhà trường								
4.1	Không thành lập CLB TDTT trong nhà trường	0	0.0	0	0.00	0	0.00	1.92	>0.05
4.2	Có thành lập CLB TDTT trong nhà trường và HS tham gia	1864	100.0	1041	55.85	823	44.15		
	HS đều tham gia CLB TDTT	1864	100.0	1041	55.85	823	44.15		
	HS có năng khiếu TDTT mới được tham gia CLB TDTT	0	0.00	0	0.00	0	0.00		
	CLB hoạt động thường xuyên trong cả năm học	0	0.00	0	0.00	0	0.00		
	CLB chỉ hoạt động khi có phong trào phát động	1864	100.0	1041	55.85	823	44.15		
	Có CLB TDTT nhưng không tổ chức hoạt động	235	12.61	142	7.62	93	4.99		
5	Cách thức tổ chức hoạt động TDTT ngoại khóa và tham gia								
5.1	Tự phát (HS tự tập, tự chơi)	1647	88.36	968	51.93	679	36.43	74.80	<0.001
5.2	Định hướng, hướng dẫn của GV	654	35.09	369	19.80	285	15.29		
5.3	Tham gia các cuộc thi đấu giữa các khối lớp trong nhà trường	257	13.79	125	6.71	132	7.08		
5.4	Tham gia các hình thức tổ chức khác	218	11.70	207	11.11	11	0.59		
6	Nguyên nhân không tham gia hoạt động TDTT ngoại khóa								
6.1	Do không có thời gian rảnh rỗi	245	13.14	165	8.85	80	4.29	146.0 9	<0.001
6.2	Do không có người hướng dẫn, chỉ dạy	412	22.10	354	18.99	58	3.11		
6.3	Do sức khỏe không cho phép	3	0.16	1	0.05	2	0.11		
6.4	Do không ưa thích môn thể thao nào	86	4.61	36	1.93	50	2.68		
6.5	Do các môn thể thao không hấp dẫn	365	19.58	298	15.99	67	3.59		
6.6	Do nhiều nguyên nhân khác	236	12.66	124	6.65	112	6.01		

Về hình thức hoạt động TDTT: HS chủ yếu tham gia tập vào giờ thể dục giữa giờ (100%) và tập sau giờ học (24,46%), số ít HS còn lại lựa chọn tham gia hoạt động theo nhóm lớp hoặc CLB... Trong đó, HS nam tham gia hoạt động TDTT nhiều hơn HS nữ. So sánh bằng thống số X^2 cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa đối tượng nam và nữ với $X^2_{\text{tính}} > X^2_{\text{bảng}}$ ở ngưỡng xác suất $p < 0.001$.

Về số lượng môn thể thao HS tham gia hoạt động ngoại khóa: có tỷ lệ đồng đều ở các mức chơi 1 môn thể thao (29,35%) và chơi từ 2 - 3 môn thể thao (35,25%), tỷ lệ HS chơi nhiều hơn 3 môn thể thao chiếm tỷ lệ thấp hơn. Bên cạnh đó còn nhiều HS không tham gia môn thể thao nào (23,71%) trong đó HS nữ nhiều hơn HS nam. So sánh bằng thống số $\div 2$ cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa đối tượng nam và nữ với $X^2_{\text{tính}} > X^2_{\text{bảng}}$ ở ngưỡng < 0.001 .

Về CLB TDTT trong nhà trường: cho thấy cả 3 trường THCS đều có thành lập CLB TDTT, 100.0% HS đều được thoải mái tham gia CLB TDTT. So sánh bằng thống số X^2 cho thấy không có sự khác biệt có nghĩa thống kê giữa đối tượng nam và nữ có $X^2_{\text{tính}} < X^2_{\text{bảng}}$ ở ngưỡng > 0.05 , cụ thể:

Đánh giá về CLB TDTT hoạt động thường xuyên trong cả năm học 100.% HS tham gia hoạt động CLB chỉ khi có phát động phong trào. Bên cạnh đó, có 12.61% HS có CLB TDTT nhưng không tổ chức hoạt động.

Về cách thức tổ chức hoạt động TDTT ngoại khóa: chưa thực sự phong phú và đa dạng. Trong đó, HS nam nhiều hơn HS nữ. So sánh bằng thống số X^2 có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa đối tượng nam và nữ với $X^2_{\text{tính}} > X^2_{\text{bảng}}$ ở ngưỡng < 0.001 , cụ thể:

HS hoạt động TDDT ngoại khóa tự phát (tự chơi, tự tập) chiếm tỷ lệ cao là 88.36%;

Hoạt động TDDT ngoại khóa có định hướng, hướng dẫn của GV chiếm tỷ lệ hạn chế là 35.09%;

Tổ chức các cuộc thi đấu giữa các khối lớp trong nhà trường có tỷ lệ ít chiếm 13.79%.

Về nguyên nhân HS tham gia hoạt động TDDT: kết quả phỏng vấn cho thấy còn nhiều nguyên nhân. Trong đó, HS nam nhiều hơn HS nữ. So sánh bằng thống số X^2 cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa đối tượng nam và nữ với $X^2_{tính} > X^2_{bảng}$ ở ngưỡng xác suất $p < 0.001$, cụ thể: Nguyên nhân do không có thời gian rảnh rỗi là 13.14%; Do không có người hướng dẫn, chỉ dạy là 22.10%; Do sức khỏe không cho phép có tỷ lệ rất ít là 0.16%; Do không ưa thích môn thể thao nào chiếm tỷ lệ thấp là 4.61%; Do các môn thể thao không hấp dẫn là 19.58% và các nguyên nhân khác là 12.66%.

3. KẾT LUẬN

Các hoạt động TDDT ngoại khóa của HS các trường THCS một số tỉnh TDBB đã được sự quan tâm của các thầy cô giáo cũng như của nhà trường, tuy nhiên chưa thực sự phát triển như mong muốn và kỳ vọng. Kết quả cho thấy tỷ lệ HS thường xuyên tham gia hoạt động TDDT ngoại khóa còn hạn chế, các hình thức hoạt động TDDT ngoại khóa thiếu sinh động, số lượng môn thể thao HS tham gia hoạt động ngoại khóa còn ít, các CLB TDDT trong nhà trường hoạt động chưa hiệu quả, cách thức tổ chức hoạt động TDDT ngoại khóa chủ yếu là sự tự phát. Bên cạnh đó, nguyên nhân của việc HS ít hoặc không tham gia hoạt động TDDT ngoại khóa không phải do các em không ưa thích thể thao mà do nhiều nguyên nhân khác nhau.



(Ảnh minh họa)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quyết định số 47/2002/QĐ-BGD&ĐT, ngày 19/11/2002 về chương trình (thí điểm) trong đó có môn Thể dục, Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008, về việc đánh giá, xếp loại thể lực HS, sinh viên, Hà Nội
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Quyết định số 72/2008/QĐ-BGDĐT ngày 23/12/2008, về ban hành Quy định tổ chức hoạt động thể thao ngoại khóa cho HS, sinh viên, Hà Nội
4. Hoàng Công Dân (2006), "Nghiên cứu biện pháp phát triển thể chất cho HS các trường phổ thông dân tộc nội trú khu vực miền núi phía Bắc", Tuyển tập nghiên cứu khoa học giáo dục thể chất, y tế trường học (lần IV), Nxb TDDT, Hà Nội.
5. Nguyễn Đức Thành (2012), Xây dựng nội dung và hình thức tổ chức hoạt động TDDT ngoại khóa của sinh viên ở một số trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh", Luận án tiến sĩ khoa học giáo dục, Viện Khoa học TDDT, Hà Nội.
6. Thủ tướng Chính phủ (2016), Quyết định số 1076/QĐ-TT ngày 17/6/2016 phê duyệt Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025

Nguồn bài báo: trích từ kết quả nghiên cứu khoa học của LATS "Nâng cao thể chất cho HS trung học cơ sở các tỉnh Trung du Bắc bộ bằng ngoại khóa môn võ cổ truyền Việt Nam", NCS Trần Dũng, Viện Khoa học TDDT.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 15/5/2020; ngày phản biện đánh giá: 19/7/2020; ngày chấp nhận đăng: 16/8/2020)